

Panium - Số Hai Mươi Ba

Sau khi lập giao ước, hấn sẽ hành động cách gian trá.

Jeff Pippenger

2026-03-20

Đa-ni-ên 11:24 xác định giai đoạn mà La Mã ngoại giáo sẽ cai trị tối thượng bằng từ “kỳ.” Một “kỳ” tương trưng cho 360 năm trong sự ứng nghiệm tiên tri, và những năm ấy bắt đầu tại trận hải chiến nổi tiếng nhất của lịch sử cổ đại, trận Actium vào năm 31 TCN. Đã có những trận hải chiến khác có quy mô lớn hơn và tinh vi hơn về mặt chiến lược, nhưng Actium là trận hải chiến mang tính biểu tượng nhất nhờ sự gắn liền với Marc Antony và Cleopatra. Tương tự về ý nghĩa lịch sử với sự sụp đổ của Bức tường Berlin trong sự ứng nghiệm của Đa-ni-ên 11:40, và Tòa Tháp Đồi của biến cố 11/9 trong sự ứng nghiệm của Khải-huyền 18; vì khi Đức Chúa Trời chọn các biến cố lịch sử để làm ứng nghiệm Lời tiên tri của Ngài, Ngài thực hiện điều đó theo cách thu hút sự chú ý của số lượng khán giả lớn nhất có thể.

Và sau khi lập giao ước với hấn, hấn sẽ hành động cách gian trá; vì hấn sẽ tiến lên, và trở nên mạnh với một số dân ít ỏi. Hấn sẽ vào cách yên ổn ngay cả những nơi phỉ nhiêu nhất của tỉnh; và hấn sẽ làm điều mà các tổ phụ hấn chưa từng làm, cũng như tổ phụ của các tổ phụ hấn chưa từng làm; hấn sẽ phân phát giữa họ chiến lợi phẩm, của cướp, và của cải; phải, hấn sẽ toan tính các mưu kế của mình chống lại những đồn lũy kiên cố, song chỉ trong một thời gian. Đa-ni-ên 11:23, 24.

Uriah Smith kết luận những nhận xét của ông về liên minh giữa La Mã và người Maccabê trong câu hai mươi ba bằng cách đề cập đến dân ít ỏi trong câu ấy.

“Vào lúc ấy, người La Mã là một dân tộc nhỏ, và bắt đầu hành động cách quý quyết, hoặc bằng mưu kế, như chính từ ngữ ấy hàm nghĩa. Và từ điểm này họ vươn lên bằng một bước tiến đều đặn và nhanh chóng đến đỉnh cao quyền lực mà về sau họ đã đạt tới.

“[Câu hai mươi bốn được trích dẫn].”

“Cách thức thông thường mà các quốc gia, trước thời kỳ Rô-ma, đã dùng để chiếm lấy những tỉnh có giá trị và các lãnh thổ phỉ nhiêu, là bằng chiến tranh và chinh phục. Giờ đây, Rô-ma sắp làm điều mà cha ông họ hoặc tổ phụ của cha ông họ chưa từng làm; tức là tiếp nhận những phần thù đạt ấy bằng phương cách hòa bình. Tập tục, trước đó chưa từng được nghe đến, nay được khởi lập, là các vua để lại các vương quốc của mình cho người La Mã bằng di chúc. Theo cách ấy, Rô-ma đã nắm quyền sở hữu những tỉnh rộng lớn.

“Và những kẻ như thế đã ở dưới quyền thống trị của La Mã thì nhận được lợi ích không nhỏ từ đó. Họ được đối xử bằng sự nhân từ và khoan hậu. Điều ấy giống như việc mỗi bắt được và chiến lợi phẩm được phân phát cho họ. Họ được bảo vệ khỏi kẻ thù mình, và được nghỉ yên trong bình an và an toàn dưới sự che chở của quyền lực La Mã.

“Đối với phần sau của câu này, Giám mục Newton nêu ra ý tưởng về việc phát xuất những mưu kế từ các đồn lũy, thay vì chống lại chúng. Điều này người La Mã đã làm từ pháo đài kiên

cổ của thành phố bảy ngọn đồi của họ. ‘Ngay cả trong một thời kỳ,’ hẳn là một thời kỳ tiên tri, 360 năm. Những năm này phải được tính từ mốc nào? Có lẽ từ biến cố được nêu ra trong câu sau.” Uriah Smith, *Daniel and the Revelation*, 272, 273.

Smith tiếp tục và xác định trận chiến Actium vào năm 31 TCN là điểm khởi đầu cho ba trăm sáu mươi năm. Sau khi trích dẫn câu hai mươi lăm, Smith phát biểu như sau.

“Qua các câu 23 và 24, chúng ta được đưa vượt qua thời điểm giao ước liên minh giữa người Do Thái và người La Mã, năm 161 TCN, đến thời kỳ La Mã đã giành được quyền thống trị hoàn vũ. Câu hiện đang ở trước chúng ta đưa vào tầm nhìn một chiến dịch mãnh liệt chống lại vua phương nam, tức Ai Cập, cùng sự diễn ra của một trận chiến nổi bật giữa những đạo quân lớn lao và hùng mạnh. Những biến cố như vậy có xảy ra trong lịch sử La Mã vào khoảng thời gian này chăng? — Quả thật có. Cuộc chiến ấy là cuộc chiến giữa Ai Cập và La Mã; và trận chiến ấy là trận Actium. Chúng ta hãy lướt qua vắn tắt các hoàn cảnh đã dẫn đến cuộc xung đột này.”

“[Marc] Antony, Augustus Caesar, và Lepidus lập thành tam đầu chế, là những người đã thề báo thù cho cái chết của Julius Caesar. Antony này trở thành em rể của Augustus khi cưới em gái ông, Octavia. Antony được sai đến Ai Cập vì công vụ của chính quyền, nhưng đã trở thành nạn nhân của mưu chước và sức quyến rũ của Cleopatra, nữ vương trụy lạc của Ai Cập. Mỗi đam mê mà ông dành cho bà mạnh đến nỗi cuối cùng ông đứng về quyền lợi của Ai Cập, ruồng bỏ vợ mình là Octavia để làm vừa lòng Cleopatra, ban hết tỉnh này đến tỉnh khác cho bà để thỏa mãn lòng tham của bà, cử hành khải hoàn tại Alexandria thay vì tại Rô-ma, và bằng nhiều cách khác đã xúc phạm dân La Mã đến mức Augustus không gặp khó khăn nào trong việc dẫn dắt họ hết lòng tham gia vào cuộc chiến chống lại kẻ thù của đất nước họ. Bên ngoài, cuộc chiến này là chống lại Ai Cập và Cleopatra; nhưng thực chất là chống lại Antony, kẻ lúc ấy đang đứng đầu công việc của Ai Cập. Và nguyên nhân thật sự của cuộc tranh chấp giữa họ, Prideaux nói, là cả hai đều không thể bằng lòng chỉ với một nửa đế quốc La Mã; vì Lepidus đã bị phế khỏi tam đầu chế, nên giờ đây đế quốc nằm giữa họ, và mỗi người đều quyết chí chiếm trọn toàn bộ, nên họ đã gieo con xúc xắc chiến tranh để giành quyền sở hữu nó.” Uriah Smith, *Daniel and the Revelation*, 273.

Theo phương diện tiên tri, trận Actium xác định luật ngày Chúa nhật, vì nó tượng trưng cho lần chinh phục thứ ba trong ba chương ngại địa lý đã thiết lập “quyền thống trị hoàn vũ” của La Mã ngoại giáo, như Smith mô tả. Cũng như với La Mã ngoại giáo, chính khi chương ngại thứ ba của La Mã giáo hoàng bị trục xuất khỏi thành Rô-ma thì “quyền thống trị hoàn vũ” của La Mã giáo hoàng bắt đầu vào năm 538. Hai nhân chứng ấy đề cập đến luật ngày Chúa nhật tại nơi và vào lúc La Mã hiện đại vượt qua cả vương quốc thứ sáu lẫn thứ bảy của lời tiên tri trong Kinh Thánh, và khi làm như vậy, vượt qua chương ngại thứ ba của mình; nhờ đó thiết lập “quyền thống trị hoàn vũ” trong bốn mươi hai tháng mang tính biểu tượng.

Và đã ban cho nó một cái miệng nói những lời kiêu ngạo lớn lối và những lời phạm thượng; lại đã ban cho nó quyền hành để tiếp tục trong bốn mươi hai tháng. Khải Huyền 13:5.

La Mã Chống Lại Ai Cập

Những động lực tiên tri của cuộc chiến do Augustus của La Mã tiến hành chống lại Ai Cập và Cleopatra đã được thúc đẩy bởi sự phản loạn của Marc Antony, và do tính tất yếu tiên tri, những động lực tiên tri ấy phải đại diện cho những động lực tiên tri được biểu hiện tại đạo luật ngày Chủ nhật.

Tại Actium, La Mã đã chinh phục Ai Cập, một thế lực cấu thành bởi liên minh giữa một người nam phản loạn và một người nữ ô uế. Liên minh giữa Antony và Cleopatra là sự kết hợp giữa hội thánh và nhà nước. Tại Actium, La Mã của Augustus đã chinh phục một thế lực được tiêu biểu bởi sự kết hợp ô uế giữa hội thánh và nhà nước.

Tượng của Con Thú

Cleopatra tượng trưng cho một hội thánh bại hoại liên minh với Antony, một biểu tượng của La Mã. Cleopatra là kẻ cai trị trong mối quan hệ của họ, như được Uriah Smith trình bày khi ông nói rằng Antony “đã sa làm nạn nhân cho những mưu kế và sức quyến rũ của Cleopatra, nữ hoàng trụy lạc của Ai Cập.” Sự liên minh giữa hội thánh và nhà nước được tượng trưng bởi Antony và Cleopatra cho thấy Cleopatra là quyền lực cai trị trong mối quan hệ ấy; vì vậy, sự kết hợp giữa hội thánh và nhà nước được tượng trưng bởi mối quan hệ của họ đáp ứng định nghĩa về tượng của con thú—tức là sự kết hợp giữa hội thánh và nhà nước với người đàn bà nắm quyền kiểm soát mối quan hệ. Actium là hình bóng báo trước luật ngày Chủ nhật sắp đến.

Augustus tượng trưng cho quyền lực giáo hoàng chinh phục Hoa Kỳ tại đạo luật ngày Chủ nhật sắp đến. Marc Antony là sừng Cộng hòa của con thú từ đất lên, còn Cleopatra là sừng Tin Lành. Antony và Cleopatra hiệp lại với nhau và nói như một con rồng tại đạo luật ngày Chủ nhật sắp đến. Cả Cleopatra lẫn Antony đều là những biểu tượng của một quyền lực rồng, và khi họ hoàn toàn hiệp nhất với nhau tại đạo luật ngày Chủ nhật—thì họ nói như một con rồng.

Những con rồng

Cả Hy Lạp lẫn Ai Cập, theo ý nghĩa tiên tri, đều tiêu biểu cho một quyền lực rồng, và Antony cũng tiêu biểu cho một quyền lực rồng. Ai Cập là phương nam trong Đa-ni-ên mười một, còn Hy Lạp là phương tây. Ai Cập bị Ptolemy I chiếm lấy sau khi vương quốc của Alexander bị phân chia thành bốn phần. Sau đó, Ptolemy I trở thành vua phương nam đầu tiên theo lời tiên tri, và Cleopatra là vị cai trị Ptolemaic cuối cùng tại Ai Cập. Ptolemy sinh tại Macedon, quê hương của Alexander Đại Đế.

Macedon ở miền bắc Hy Lạp, và tự nhận nguồn gốc tổ tiên của mình phát xuất từ các anh hùng thần thoại Hy Lạp. Các thành-bang Hy Lạp ở miền nam xem người Macedon là man dã hơn những người Hy Lạp hóa ở miền nam Hy Lạp. Người Macedon theo chế độ quân chủ, còn các thành-bang miền nam (poleis) như Athens, Sparta, Thebes, Corinth, v.v., nằm ở miền nam và miền trung Hy Lạp cùng các đảo trên biển Aegean. Các poleis này thường có chính thể dân chủ, đầu sỏ, hoặc hỗn hợp, trong khi Macedon là một vương quyền tập quyền với một vương triều hoàng gia hùng mạnh (nhà Argead). Tuy vậy, tất cả họ đều là những người Hy Lạp hóa, và khi La Mã bước vào dòng lịch sử, họ gọi những người Hy Lạp hóa ấy là người Hy Lạp. Cleopatra là vị quân vương cuối cùng của triều đại Ptolemaios, điều này đại diện cho bộ tộc quân chủ của vương quốc phương bắc gồm

những người Hy Lạp xuất thân từ vùng Macedon, tức miền bắc Hy Lạp.

Vua phương Nam

Cleopatra là vị quân vương cuối cùng của vương quốc Ptolemaios, vương quốc đã khởi đầu với Ptolemaios I khi vương quốc của Alexander bị chia thành bốn phần. Tại trận Actium, vương quốc Ptolemaios, tức vị vua phương nam theo nghĩa đen, đã đi đến chỗ kết thúc. Vị vua phương nam kế tiếp sẽ là Ê-díp-tô thuộc linh, được tượng trưng bởi nước Pháp vô thần trong lịch sử Cách mạng Pháp.

Và xác của họ sẽ nằm trên đường phố của thành lớn kia, là nơi về ý nghĩa thiêng liêng được gọi là Sô-đôm và Ê-díp-tô, cũng là nơi Chúa chúng ta đã bị đóng đinh. Khải Huyền 11:8.

Ai Cập theo nghĩa đen là vua phương nam theo đúng nghĩa đen trong mối liên hệ với sự phân chia vương quốc của Alexander; nhưng Ai Cập thuộc linh được biểu thị là vua phương nam bởi những đặc tính tiên tri của Ai Cập, chứ không phải bởi một phương hướng theo nghĩa đen.

Phương Nam và Phương Tây

Cleopatra, là vị quân vương cuối cùng của triều đại Ptolemy trong vương quốc ấy, về mặt tiên tri là một quyền lực hai mặt: Hy Lạp (phương tây) và Ai Cập (phương nam); còn vị kế tiếp, rồi đến vua phương nam thuộc linh, sẽ là nước Pháp, cũng là một quyền lực hai mặt, được tượng trưng trong Khải Huyền 11 như Ai Cập và Sô-đôm. Sự trụ lạc của Sô-đôm tương ứng với sự trụ lạc của Cleopatra thuộc phương tây, và Cleopatra thuộc phương nam tương ứng với chủ nghĩa vô thần của Ai Cập. Bản chất hai mặt của vị vua phương nam theo nghĩa đen cuối cùng tương ứng với vị vua phương nam thuộc linh đầu tiên.

Trận Actium là liên minh bất thánh giữa con rồng của Rôma nơi Antony và con rồng của phương nam và phương tây nơi Cleopatra. Antony và Cleopatra tiêu biểu cho một hội thánh và một nhà nước, vì vậy việc Augustus của Rôma chinh phục Actium tiêu biểu cho một cuộc chinh phục trong đó Rôma thắng thế trước một liên minh hai mặt bất thánh, tiêu biểu cho hình tượng của con thú. Ba trăm sáu mươi năm sau, trong sự ứng nghiệm của Đa-ni-ên 11:24, Constantine đã phân chia Rôma thành đông và tây, để người đàn bà của Rôma ở lại phương tây và dời người nam của Rôma sang phương đông. Một cuộc chinh phục phương nam và phương tây đã tiêu biểu cho sự phân chia đông và tây sau một “thời kỳ” ba trăm sáu mươi năm, tại trận Actium. Trong một cuộc đối đầu trước đó, Antony được trao phần Rôma phía đông và Augustus phần phía tây, vì vậy Actium đã hiệp nhất đông và tây, nhưng chỉ trong một “thời kỳ.”

31 TCN và 330 SCN

Đức Chúa Jêsus luôn minh họa sự cuối cùng bằng sự khởi đầu, vì vậy cuộc chinh phục tại Actium vào năm 31 TCN là hình bóng cho sự phân chia đế quốc thành Đông và Tây vào năm 330. Actium năm 31 TCN là alpha của omega trong khoảng 360 năm kết thúc vào năm 330. Cả năm 31 TCN lẫn năm 330 đều là hình bóng cho luật ngày Chủ nhật sắp đến, như được trình bày trong câu mười sáu và câu bốn mươi một của Đa-ni-ên 11.

Một Biểu Tượng Khác

Antony của La Mã, liên minh với Cleopatra của phương nam và của phương tây, tiêu biểu cho một liên minh ba mặt bên trong sự kết hợp hai mặt của hình tượng con thú. Thập tự giá cũng tương ứng với luật chủ nhật, và vì thế cũng tương ứng với Actium và năm 330. Tại thập tự giá, một sự kết hợp hai mặt giữa hội thánh và nhà nước được tiêu biểu bởi người Do Thái (hội thánh đã bại hoại) liên hiệp với La Mã (nhà nước) để giết Đấng Christ. Thành phần thứ ba trong liên minh tại thập tự giá được tiêu biểu bởi Barabbas, một Christ giả, danh của kẻ ấy có nghĩa là “con của cha.” Về mặt biểu tượng, Barabbas là một tiên tri giả khi được đối chiếu với Đấng Christ là tiên tri chân thật. La Mã là Antony, còn Cleopatra của phương nam và phương tây tiêu biểu cho người Do Thái và Barabbas.

Thập tự giá cũng tương ứng với Ê-li trên núi Cạt-mên, nơi sự lựa chọn xoay quanh việc ai là tiên tri chân thật hay giả dối. Tiên tri giả khi ấy là một biểu tượng kép, gồm các tiên tri của Ba-anh và các thầy tế lễ của lùm cây. Ba-anh là một thần nam, còn các thầy tế lễ của lùm cây đại diện cho A-si-tạt-tê, một nữ thần. Người Do Thái tại thập tự giá là A-si-tạt-tê, nữ thần ấy, còn Ba-ra-ba, kẻ giả mạo của Người Đàn Ông Đầu Khổ, là thần nam Ba-anh.

Cleopatra vừa là nữ vương của phương nam, vừa là nữ vương của phương tây. Antony là hình tượng của La Mã, một phần của tam đầu chế ba ngôi đã thề báo thù cho vụ ám sát Julius. Cái chết của Julius bởi hai mươi ba vết thương tương trưng cho vết thương chí tử của các giáo hoàng vào năm 1798, ứng nghiệm câu bốn mươi của Đa-ni-ên mười một. Augustus tại Actium tượng trưng cho sự chữa lành vết thương chí tử ấy. Vết thương được chữa lành khi Antony và Cleopatra chết. Antony và Cleopatra tượng trưng cho hình tượng của con thú tại Hoa Kỳ, là một thực thể tiên tri gồm ba phần, bao gồm con thú từ đất và hai sừng của nó. Antony là một phần, còn Cleopatra tượng trưng cho hai phần kia. Dù là La Mã của Antony, hay Ai Cập và Hy Lạp của Cleopatra, chúng cùng chết trong đạo luật ngày Chủ nhật khi vương quốc thứ sáu của lời tiên tri trong Kinh Thánh chấm dứt. Theo phương diện tiên tri, Cleopatra trong mối tương quan với Antony là sự pha trộn giữa mưu thuật của giáo hội và mưu thuật của nhà nước, trong đó mưu thuật của giáo hội quỵến rũ và kiểm soát mưu thuật của nhà nước.

Sự Chết Thứ Hai Được Tiêu Biểu Hóa

Ở một tầng mức tiên tri khác, mối quan hệ của Cleopatra với Julius Caesar và Marc Antony tiêu biểu cho hai thời điểm mà thủ đoạn giáo hội của Cleopatra ở trong mối quan hệ với thuật trị quốc của Đế quốc La Mã. Bà đã bị Julius bỏ lại vào năm 1798 tại cái chết biểu tượng thứ nhất của mình, ứng nghiệm câu bốn mươi của Đa-ni-ên chương mười một; rồi sau đó bà đi đến chỗ tận cùng của mình mà không ai giúp đỡ, tại Actium, ứng nghiệm câu bốn mươi lăm của Đa-ni-ên chương mười một. Câu bốn mươi là alpha của vết thương chí tử thứ nhất của bà, là điều sẽ được chữa lành, và omega của câu bốn mươi lăm là nơi bà nhận lấy cái chết thứ hai và cuối cùng của mình.

Cũng như bốn quyền lực La Mã trong các câu mười sáu đến hai mươi hai, Cleopatra với tư cách là một biểu tượng Kinh Thánh có hơn một ý nghĩa, tùy theo văn mạch. Julius đã rời bỏ bà vào năm 1798 khi sự hậu thuẫn của vương quyền bị cắt đi, rồi vết thương chí tử của bà được chữa lành vào thời điểm luật ngày Chủ nhật; nhưng mười vua trong Khải Huyền mười bảy sau cùng sẽ thiêu hủy

bà bằng lửa, khi bà gặp cái chết thứ hai và cuối cùng của mình.

Cleopatra là một biểu tượng của bản tính hai mặt được thể hiện bởi chủ nghĩa vô thần của Ai Cập dưới Pharaon, và triết lý tôn giáo của Hy Lạp. Bản tính hai mặt của bà tượng trưng cho thuật trị quốc của Ai Cập và xảo thuật giáo hội của Hy Lạp. Triết lý tôn giáo Hy Lạp được tượng trưng bởi nữ thần Hy Lạp Athena, là vị thần được tôn trí bằng một pho tượng trong đền thờ của mình, gọi là Parthenon. Athena là biểu tượng của sự khôn ngoan, và với tư cách là một người nữ, bà tượng trưng cho một tôn giáo của nền giáo dục nhân loại, đối lập với nền giáo dục Thiêng liêng.

Hai sừng của Hoa Kỳ là Chủ nghĩa Cộng hòa và Tin Lành giáo, những điều đã được tiêu biểu trong nước Pháp bởi Ê-díp-tô và Sô-đôm. Ê-díp-tô là mưu lược nhà nước và Sô-đôm là mưu lược giáo hội; vì vậy, Chủ nghĩa Cộng hòa tương ứng với Ê-díp-tô và Tin Lành giáo tương ứng với Sô-đôm. Chủ nghĩa Cộng hòa là Ê-díp-tô, còn Tin Lành giáo là Sô-đôm và Hy Lạp. Biểu tượng của nền giáo dục nhân bản là nữ thần Hy Lạp Athena, đền thờ của bà là Parthenon, vốn có hình mẫu song trùng hiện đại tại ngôi đền Parthenon ở Nashville, Tennessee. Biểu tượng của giáo hội bại hoại liên kết với sừng Cộng hòa tại Hoa Kỳ vào lúc luật ngày Chủ nhật được tiêu biểu qua Cleopatra, A-si-ta-rôt, Sa-lô-mê và Sô-đôm.

Cleopatra tiêu biểu cho thuyết vô thần của Pha-ra-ôn và tôn giáo của người Hy Lạp. Tôn giáo đi kèm với triết lý vô thần ấy là sự thờ phượng nền giáo dục Hy Lạp. Đức Chúa Jê-sus luôn minh họa phân cuối bằng phân đầu, và cây trong vườn bị cấm không được ăn chính là cây biết điều thiện và điều ác, tiêu biểu cho tôn giáo của triết học Hy Lạp mà Bà White gọi là “giáo dục bậc cao.” Điều này xác định và nhấn mạnh tôn giáo Hy Lạp về sự khôn ngoan của Cleopatra như là sự bại hoại và giả mạo của nền giáo dục chân chính trong cuộc đại tranh đấu giữa Đấng Christ và Sa-tan.

Nashville, Tennessee được gọi là “Athens của miền nam,” và Cleopatra là nữ hoàng theo nghĩa đen cuối cùng của miền nam. Nữ hoàng cuối cùng của miền nam ấy là hình bóng của vị vua thuộc linh kế tiếp và đầu tiên của miền nam, được ứng nghiệm bởi nước Pháp vô thần. Nước Pháp vô thần là hình bóng của Hoa Kỳ, nơi tại Nashville, Tennessee, “Athens của miền nam,” đền Parthenon dành cho nữ thần Athena được tượng trưng trình bày. Ngôi đền tọa lạc tại số 2500 West End ở Nashville. Con số hai mươi lăm tượng trưng cho cánh cửa đóng lại của ba ẩn dụ trong Ma-thi-ơ hai mươi lăm. Cleopatra, với tư cách là nữ hoàng của cả “miền nam” lẫn “miền tây,” đi đến “cuối cùng” của mình tại Athens của miền nam.

Với những sự cân nhắc này về Actium, Cleopatra, Augustus và Antony, chúng ta trở lại với câu hai mươi bốn đến câu ba mươi của Đa-ni-ên mười một. Có lẽ phần mơ hồ nhất của đoạn này là khi họ nói dối nhau tại cùng một bàn.

Lòng của cả hai vua này đều sẽ mưu làm điều gian ác, và họ sẽ nói dối với nhau tại cùng một bàn; nhưng điều đó sẽ không thành, vì sự cuối cùng vẫn sẽ đến vào kỳ đã định. Đa-ni-ên 11:27.

Thời điểm đã được định trong câu này là 330, tức là cuối của “kỳ” nơi câu hai mươi bốn. Thời điểm đã được định ấy tiêu biểu cho luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ, và cũng tiêu biểu cho sự chấm dứt thời kỳ ân điển của nhân loại đối với thế gian. Trước luật ngày Chủ nhật, hai vua, là những kẻ có lòng làm điều gian ác, sẽ nói dối nhau tại cùng một bàn. Trước luật ngày Chủ nhật trong các câu

mười sáu và bốn mươi một của Đa-ni-ên 11, hai vua sẽ nói dối tại một bàn, nhưng những lời dối trá của họ không được thành công. Hai vua nói dối nhau ấy là ai? Trước khi trả lời ý tưởng đó, tôi xin nhắc lại một số biểu tượng mà trước đây chúng ta đã đề cập trong loạt bài này.

Bốn nhà cai trị La Mã tượng trưng cho nhiều biểu tượng tiên tri khác nhau, tùy theo bối cảnh mà chúng được xem xét. Dù là các nhà cai trị La Mã, nhưng với tư cách là một biểu tượng, về căn bản họ đại diện cho lịch sử tiên tri của Giu-đa cổ đại khi họ chuyển từ sự thống trị của nhà Seleucid sang sự thống trị của người La Mã.

Pompey là một vị tướng, và ba nhà cai trị La Mã kế tiếp đều là các Caesar. Julius, trong mối liên hệ với Augustus, tượng trưng cho hai sự hiệp nhất gồm ba bên qua hai chế độ tam hùng, chế độ thứ nhất không chính thức, chế độ thứ hai chính thức. Cả bốn nhà cai trị đều tượng trưng cho luật ngày Chủ nhật trong những bối cảnh nhất định. Pompey chinh phục vùng đất vinh hiển; Julius, được biểu thị bởi hai mươi ba nhất đâm, là thiên sứ thứ nhất, vì ông là Caesar đầu tiên, và ông tiêu biểu cho thiên sứ thứ ba, tức Tiberias. Tiberias tại thập tự giá, vốn là luật ngày Chủ nhật, cũng được biểu thị bởi con số hai mươi ba, vì hai mươi ba tượng trưng cho sự hiệp một; và thập tự giá là một phần hết sức thiết yếu trong công cuộc của Đấng Christ nhằm kết hợp thần tính của Ngài với nhân tính của chúng ta. Vì vậy, Julius và Tiberias là sứ điệp thứ nhất và thứ ba, được biểu thị bởi hai mươi ba.

Julius không phải là nhân vật lãng mạn như ông thường được khắc họa trong truyền thuyết Hollywood; ông là một con người tàn nhẫn, quyết chí theo đuổi quyền lực. Tiberias còn tệ hại hơn Julius, vì sự đê tiện của hắn thậm chí còn được nêu đến trong câu Kinh Thánh, bởi chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái Hê-bơ-rơ là hai mươi hai và chữ cái đầu tiên là một. Alpha nhỏ hơn omega, và sự đê tiện của Tiberias được đặt tại câu hai mươi hai, tức là chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái Hê-bơ-rơ; và ở giữa hai kẻ đê tiện được tượng trưng bởi Julius và Tiberias là Augustus. Augustus tượng trưng cho đỉnh cao của vinh quang quyền thế và uy danh của La Mã. Là đối nghịch với sứ điệp thứ nhất và thứ ba, ông được tượng trưng bởi chữ số mười ba, là biểu tượng của sự phản loạn. Augustus đã củng cố vương quốc mình bằng cách khuất phục cuộc phản loạn của Antony và Cleopatra, cuộc phản loạn nổi tiếng nhất trong lịch sử La Mã.

Augustus là quyền lực La Mã đã chinh phục chương ngại thứ ba, và khi làm như vậy, ông đại diện cho luật Chủ nhật, cũng như quyền lực La Mã cai trị trong bốn mươi hai tháng biểu tượng của chương mười ba sách Khải Huyền, tức chương về sự phản loạn. Khi được đặt trước luật Chủ nhật, Pompey vừa là năm 1798 vừa là năm 1989, khiến Pompey trở thành biểu tượng của Antiochus Magnus, là người chấm dứt cuộc Chiến tranh Syria lần thứ tư từ năm 219 đến 217 trước Công nguyên, ứng nghiệm câu mười của chương mười một. Sau đó, Julius Caesar được liên kết với các câu mười một và mười hai cùng trận chiến ở biên cương, tức trận Raphia năm 217 trước Công nguyên. Tại đó Julius cũng là Antiochus Magnus, và Augustus Caesar cũng là Antiochus Magnus trong trận Panium ở câu mười lăm. Đến câu mười sáu, Tiberias là luật Chủ nhật, nhưng ông không phải là Antiochus Magnus, vì tại đó ông là Pompey, bởi lẽ Đức Chúa Jêsus luôn minh họa thời cuối cùng bằng sự khởi đầu. Câu này đánh dấu sự chấm dứt của Đế quốc Seleucid, tiêu biểu cho sự kết thúc của Hoa Kỳ với tư cách là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri của Kinh Thánh.

Còn có thêm những sự đối ứng cần được thiết lập nơi bốn nhà cai trị La Mã, và đường đó tiêu biểu cho lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Đường Mác-ca-bê trong câu hai mươi ba cũng minh họa lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Rồi trong câu hai mươi bốn, câu chuyện về La Mã Đế quốc ngoại giáo được biểu hiện bằng một khoảng thời gian—ba trăm sáu mươi năm. Đường lịch sử La Mã được trình bày từ câu hai mươi bốn cho đến câu ba mươi cũng là một sự minh họa cho lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Nó kết thúc ở câu ba mươi một khi chủ đề chuyển từ La Mã ngoại giáo sang La Mã giáo hoàng. La Mã ngoại giáo vẫn còn ở trong câu ấy, nhưng tại đó không được trình bày như vương quốc thứ tư của lời tiên tri Kinh Thánh, mà như quyền lực chính trị đã đặt chức giáo hoàng lên ngai vào năm 538. Năm 538, giáo hoàng đã ban hành một luật ngày Chủ nhật, vì vậy câu ba mươi một đang đối ứng với các câu mười sáu và bốn mươi một. Câu hai mươi bốn đã giới thiệu trận Actium và lịch sử gắn liền với đường ấy.

Câu hai mươi bốn xác định thời điểm La Mã ngoại giáo bắt đầu cai trị tối thượng trong ba trăm sáu mươi năm, và rồi đến câu ba mươi một, La Mã giáo hoàng bắt đầu cai trị tối thượng trong một ngàn hai trăm sáu mươi năm. Khởi đầu và kết thúc của đường tuyến ấy mang chữ ký của Đấng Christ, Alpha và Omega. Trong các câu này, chúng ta có lịch sử của Marc Antony, Cleopatra và Augustus Caesar. Trong câu mười sáu, La Mã ngoại giáo đã chinh phục Đế quốc Seleucid vào năm 65 TCN, rồi đến Giu-đa vào năm 63 TCN. Chưống ngai thứ ba tại Actium vào năm 31 TCN đã xác định sự chấm dứt của vương quốc Ai Cập, như được hình bóng bởi những chưống ngai đầu tiên của người Seleucid vào năm 65 TCN. Một lần nữa, chúng ta lại thấy chữ ký của Đấng Đầu Tiên và Đấng Cuối Cùng. Năm 65 TCN là chưống ngai thứ nhất trong ba chưống ngai, và nó tượng trưng cho việc chinh phục vua phương bắc; còn năm 31 TCN tượng trưng cho chưống ngai thứ ba trong ba chưống ngai, và nó tượng trưng cho việc chinh phục vua phương nam. Giu-đa, là chưống ngai ở giữa của ba chưống ngai ấy, đã ở trong tình trạng nội chiến bên trong các bức tường của Giê-ru-sa-lem khi Pompey đến vào năm 63 TCN. Chưống ngai thứ hai là biểu tượng của sự phân loạn.

Vào năm 538, chưống ngai thứ ba đối với La Mã giáo hoàng đã bị đánh đui khỏi thành Rôma. Chưống ngai đó là người Goth, và tại đó vương quốc thứ năm của lời tiên tri Kinh Thánh đã bắt đầu; ngay chính tại nơi vương quốc thứ tư chấm dứt. Và cũng như vương quốc thứ tư đã bắt đầu tại chưống ngai thứ ba của nó, vương quốc Ai Cập đã bị đánh bại, đúng như đã được hình bóng hóa trong chưống ngai thứ nhất của vương quốc Seleucid. Điều này xác định rằng chứng ngôn tiên tri được tìm thấy từ câu hai mươi bốn cho đến câu ba mươi tiêu biểu cho một tuyến cũng phải được định vị trong lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Vì lý do này, điều cốt yếu là phải xem xét các mối quan hệ tiên tri khác nhau được tiêu biểu bởi Marc Antony, Cleopatra, Julius Caesar, Pompey và Augustus Caesar.

Vậy phải chăng phần mơ hồ nhất của phân đoạn từ câu hai mươi bốn đến câu ba mươi là khi họ nói đối với nhau trên cùng một bàn?

Cả hai vua ấy đều một lòng làm điều gian ác, và chúng sẽ nói dối nhau tại cùng một bàn; nhưng việc ấy sẽ không thành công, vì kỳ cuối cùng vẫn còn ở đúng thời điểm đã định.

Đa-ni-ên 11:27.

Uriah Smith xác định hai vị vua ấy là Marc Antony và Augustus Caesar.

“Câu hai mươi bảy được trích dẫn”

“Antony và Caesar trước kia từng liên minh với nhau. Tuy nhiên, dưới lớp vỏ bằng hữu, cả hai đều nuôi tham vọng và mưu toan giành quyền bá chủ hoàn vũ. Những lời họ tuyên xưng về sự kính nhường đối với nhau và tình bằng hữu dành cho nhau chỉ là lời lẽ của những kẻ đạo đức giả. Họ nói dối cùng ngồi tại một bàn. Octavia, vợ của Antony và là em gái của Caesar, đã tuyên bố với dân thành Rô-ma vào lúc Antony ly dị bà, rằng bà đã thuận ý kết hôn với ông chỉ với hy vọng điều ấy sẽ làm bằng chứng bảo đảm cho sự hiệp nhất giữa Caesar và Antony. Nhưng mưu kế ấy đã không thành công. Sự đoạn tuyệt đã xảy đến; và trong cuộc xung đột tiếp theo, Caesar đã hoàn toàn giành phần thắng.” Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 276.

Khi Octavia được xác định rằng cuộc hôn nhân của bà với Antony là như một sự cam kết hiệp nhất, điều ấy đã xác định liên minh hôn nhân vốn đã được hình bóng trước đó trong chương mười một qua cuộc hôn phối thời kỳ Hy Lạp hóa của Berenice với vua Seleucid là Antiochus II Theos vào khoảng năm 252 TCN. Berenice là con gái của Ptolemy II Philadelphus. Octavia và Berenice tiêu biểu cho những cuộc hôn nhân ngoại giao, hay theo ý nghĩa tiên tri, là các hiệp ước. Các câu năm đến mười nêu rõ lịch sử của cuộc hôn nhân ngoại giao giữa các vương quốc phương nam và phương bắc, và khi Marc Antony cùng Octavian, về sau được biết đến là Augustus Caesar, sắp đặt cuộc hôn nhân ấy, họ cũng đã phân chia vương quốc thành đông và tây.

Hiệp ước Brundisium (40 TCN) là một dàn xếp được thương nghị giữa Marc Antony và Octavian (về sau là Augustus) nhằm giải quyết những căng thẳng trong Tam Đầu Chế thứ hai sau khi đã cận kề nội chiến. Hiệp ước này bao gồm việc phân chia các lãnh thổ La Mã (Antony ở phương Đông, Octavian ở phương Tây) và được ấn chứng bằng cuộc hôn nhân của Antony với Octavia (chị em gái của Octavian). Năm 39 TCN, thời hạn năm năm ban đầu của Tam Đầu Chế đã mãn, Antony cho thuyền đến Ý với hơn 300 chiến thuyền, nhưng thoạt tiên không được phép đổ bộ tại Brundisium, nên rút cuộc họ cập bến tại Tarentum. Octavian đến đó gặp ông sau những cuộc hòa giải kéo dài, phát sinh từ việc quân đội của Antony không muốn giao chiến với quân đội của Octavian, và ngược lại. Octavia giữ một vai trò hòa giải then chốt, thuyết phục Antony ủng hộ Octavian chống lại Sextus Pompey. Họ gia hạn Tam Đầu Chế thêm năm năm nữa (đến năm 32 TCN), với việc Antony cung cấp cho Octavian 120 chiến thuyền để đổi lấy số quân được hứa cấp (mà về sau Octavian đã không giao).

Vào năm 32 TCN đã xảy ra một sự đoạn tuyệt công khai giữa hai đối thủ. Quan hệ đã xấu đi do tuyên truyền, sự tập trung của Antony vào phương Đông (cùng với Cleopatra), và việc Octavian củng cố quyền lực ở phương Tây. Trước Actium, Octavian đã bác bỏ các đề nghị mở hội nghị của Antony được đưa ra về sau.

Trong cuộc hôn nhân ngoại giao với vua phương bắc (Antiochus) và vua phương nam (Ptolemy), chính vua phương nam là bên cung cấp cô dâu; còn trong cuộc hôn nhân ngoại giao giữa Antony (phương đông) và Octavian (phương tây), cô dâu được cung cấp bởi phương tây. Cả hai cuộc hôn nhân ngoại giao đều thất bại, và bên cung cấp người con gái hay người chị/em gái rút cuộc đã chiến thắng quyền lực đã phá vỡ giao ước.

Lời Chứng của Ba Người

Vào cuối Đế quốc Seleucid đã có một hiệp ước thứ ba, nơi những lời đối trá được nói ra tại cùng một bàn. Điều này xảy ra trong bối cảnh của Cuộc Chiến tranh Syria lần thứ Năm (202–195 TCN), khi Antiochus III Magnus lợi dụng sự suy yếu của Vương quốc Ptolemaic sau cái chết của Ptolemy IV Philopator vào năm 204 TCN. Ptolemy V Epiphanes (Ptolemy V) lên ngôi khi còn là một đứa trẻ (khoảng 5–6 tuổi), khiến Ai Cập nằm dưới quyền các nhiếp chính và trở nên dễ bị tổn thương trước tình trạng hỗn loạn nội bộ, các cuộc nổi dậy của người bản địa, và những mối đe dọa từ bên ngoài.

Antiochus Magnus đã xâm lược và chiếm giữ phần lớn các lãnh thổ của nhà Ptolemaios tại Coele-Syria, Palestine, và Tiểu Á sau những chiến thắng như trận Panium (200 TCN). Thay vì chinh phục hoàn toàn Ai Cập (điều có thể dẫn đến sự can thiệp của La Mã, vì La Mã đang gây áp lực buộc ông tránh xa một số khu vực nhất định), ông theo đuổi một liên minh hôn nhân ngoại giao với tư cách một nhân vật “bảo hộ”. Vào các năm 197/195 TCN, như một phần của hiệp ước hòa bình chấm dứt chiến tranh, Antiochus Magnus đã đính hôn rồi gả người con gái nhỏ của mình là Cleopatra I Syra (cũng gọi là Cleopatra Syra) cho cậu bé Ptolemaios V (hôn lễ diễn ra vào năm 193 TCN tại Raphia; Ptolemaios 16 tuổi, Cleopatra 10 tuổi).

Điều này đã được trình bày như một cử chỉ hào hiệp: Antiochus đặt mình vào vị thế một đồng minh và là “người bảo hộ” của vị vua trẻ, bảo đảm hòa bình trong khi vẫn giữ được những lợi ích đã giành được tại châu Á. Cuộc hôn nhân ấy đem lại cho ông ảnh hưởng gián tiếp đối với Ai Cập thông qua con gái mình (ông hy vọng nàng sẽ vẫn trung thành với cội nguồn Seleucid của mình và hành động như một tiếng nói thân Syria trong triều đình Ptolemaic). Mưu kế ấy đã phản tác dụng, vì Cleopatra đã đứng về phía chồng mình và Ai Cập, chứ không phải cha mình, làm suy yếu quyền kiểm soát lâu dài của Antiochus. Điều này phản chiếu Hiệp ước Brundisium (40 BC) và có liên hệ với các biến cố của La Mã theo nhiều phương diện.

Cũng như Antony cưới Octavia (chị/em gái của Octavian) để ràng buộc các thế lực đối địch sau khi suyết xảy ra chiến tranh, Antiochus đã dùng cuộc hôn nhân của con gái mình với Ptolemy V để chính thức hóa một nền hòa bình tạm thời và sự phân chia lãnh thổ (nhà Seleucid giữ các vùng chinh phục ở phía bắc, còn Ptolemy giữ Ai Cập ở phía nam).

Antiochus đã hành động như một người giám hộ trên thực tế đối với vị vua-trẻ Ptolemy V (thông qua các mối liên hệ gia tộc), tương tự như cách Octavian (và Tam Đầu Chế) đã định vị chính mình giữa những khoảng trống quyền lực hoặc các thế đối địch. Trong cả hai trường hợp, nhân vật “mạnh hơn” (Antiochus/Octavian) đều tìm cách giành lợi thế đối với đối tác dễ bị tổn thương thông qua quan hệ thân tộc. Cả hai sự sắp đặt này đều đem lại sự ổn định trong ngắn hạn nhưng về lâu dài “đã không thành công” do sự thiếu tin cậy tiềm ẩn—Cleopatra đứng về phía Ai Cập (làm suy yếu Antiochus), trong khi sự chú tâm của Antony vào phương Đông (Cleopatra VII) đã dẫn đến sự đổ vỡ với Octavian.

Thời kỳ vị thành niên của Ptolemy V dưới quyền các nhiếp chính song hành với sự bất ổn sau cái chết của Julius Caesar (dẫn đến việc hình thành Tam Hùng Chế và những cuộc tranh giành quyền lực). Cuộc hôn phối của Berenice với Antiochus đã đánh dấu sự khởi đầu của lịch sử Đế quốc

Seleucid trong Đa-ni-ên mười một, và cuộc hôn phối của con gái Antiochus Magnus với vị vua-trẻ của Ai Cập đã đánh dấu sự kết thúc của Đế quốc Seleucid. Sự chấm dứt cuộc hôn phối của Marc Antony với Octavia đã đánh dấu sự kết thúc của vương quốc Ptolemaic. Sự kết thúc của Giu-đa với tư cách là dân giao ước của Đức Chúa Trời đã diễn ra tại thập tự giá, và vương quốc Giu-đê ấy bắt đầu với nhà Maccabee và liên minh mà họ lập với La Mã. Tất cả những tuyến tiên tri này đều được thể hiện trong mạch thuật sự của Đa-ni-ên chương mười một, và hết thảy đều tương ứng với lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Bắt đầu từ câu năm, chúng ta có hiệp ước của Berenice, dẫn đến Antiochus Đại Đế và hiệp ước liên quan đến con gái ông là Cleopatra Syra, diễn ra trong lịch sử của nhà Maccabee ở câu hai mươi ba. Nhà Maccabee trở thành một phần của tuyến ấy dựa trên cuộc nổi dậy của họ chống lại Antiochus Epiphanes, một trong những vị cuối cùng của triều đại Seleucid.

Antiochus Epiphanes là vị Antiochus đã ở Ai Cập vào năm 168 TCN gần Alexandria trong Cuộc Chiến tranh Syria lần thứ sáu. Antiochus Epiphanes đã xâm lược Ai Cập và đang ở bên bờ chiếm được Alexandria. Các nhà cai trị Ptolemaic đã cầu viện Rô-ma. Rô-ma phái Popillius Laenas (chỉ với một đoàn tùy tùng nhỏ—không có quân đội) đến để chuyển đạt một tối hậu thư từ Viện Nguyên lão; Antiochus phải lập tức rút khỏi Ai Cập và Síp, nếu không sẽ phải đối mặt với chiến tranh với Rô-ma. Khi Antiochus nhận bức thư và xin thời gian để tham khảo ý kiến các cố vấn của mình, Popillius—được mô tả là nghiêm khắc và đầy uy quyền—đã lấy cây gậy đi đường của mình và vạch một vòng tròn trên cát quanh chân nhà vua. Sau đó ông tuyên bố: “Trước khi bước ra khỏi vòng tròn ấy, hãy cho ta câu trả lời để ta trình lên Viện Nguyên lão.”

Hàm ý đã rất rõ ràng; Antiochus không thể rời khỏi vòng tròn ấy mà không cam kết đáp ứng các đòi hỏi của La Mã—vượt qua nó mà không có sự thỏa thuận sẽ đồng nghĩa với chiến tranh. Kinh ngạc và bị si nhục, Antiochus do dự trong chốc lát, nhưng rồi đồng ý tuân theo, rút quân khỏi Ai Cập và trở về Syria. Hành động ngoại giao táo bạo này (được hậu thuẫn bởi thanh thế quyền lực ngày càng gia tăng của La Mã) đã buộc ông phải rút lui mà không cần giao chiến, phô bày sự thống trị đang trỗi dậy của La Mã tại miền đông Địa Trung Hải. Sự việc này thường được dẫn lại như là một nguồn gốc của thành ngữ “vạch một lần ranh trên cát” (mặc dù theo nghĩa đen đó là một vòng tròn).

Antiochus Epiphanes cũng đã trở thành cách hiểu của Tin Lành về quyền lực tự tôn mình lên, rồi sa ngã và thiết lập khái tượng trong câu mười bốn của Đa-ni-ên mười một.

Và trong những thời ấy, nhiều kẻ sẽ nổi lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cường bạo trong dân người cũng sẽ tự tôn mình lên để làm ứng nghiệm sự hiện thấy; nhưng chúng sẽ sa ngã. Đa-ni-ên 11:14.

Antiochus IV Epiphanes trị vì từ năm 175–164 TCN, và là vị vua thứ tám trong số mười ba vua Seleucid. Ông tìm cách áp đặt văn hóa Hy Lạp hóa và thống nhất đế quốc của mình dưới các thực hành tôn giáo Hy Lạp. Năm 169 TCN, ông cướp phá Đền Thờ, cấm các thực hành của người Do Thái (phép cắt bì, việc giữ ngày Sa-bát, việc học Torah), và cưỡng bách dâng tế lễ cho các thần ngoại giáo. Vào tháng Mười Hai năm 167 TCN, ông dựng một bàn thờ ngoại giáo (cho thần Zeus) trên chính bàn thờ của lễ thiêu của người Do Thái trong Đền Thờ và dâng một con heo làm sinh tế,

cùng với những hành vi ô uế khác. Sự làm ô uế ấy là giọt nước tràn ly đối với những người Do Thái trung tín, những người xem đó là sự xâm phạm tội cùng đối với tính thánh khiết của Đền Thờ và luật pháp của Đức Chúa Trời. Điều đó đã khơi dậy sự kháng cự tức khắc khi Mattathias (một thầy tế lễ từ Modein) từ chối mệnh lệnh của một viên chức Seleucid buộc phải dâng tế lễ cho các thần ngoại giáo, rồi giết một người Do Thái bội đạo và viên chức ấy, sau đó trốn lên miền đồi núi cùng các con trai mình (những người về sau trở thành các Maccabee). Việc này đã châm ngòi cho chiến tranh du kích và cuộc nổi dậy từ năm 167–160 TCN, nhằm khôi phục sự thờ phượng của người Do Thái, dẫn đến việc cung hiến lại Đền Thờ (Hanukkah) vào năm 164 TCN dưới sự lãnh đạo của Judas Maccabeus.

Vào lúc khởi đầu và lúc kết thúc của Đế quốc Seleucid, đã có một hiệp ước quan trọng được biểu thị bằng một cuộc hôn nhân ngoại giao, mang yếu tố phân chia hoặc đông và tây, hoặc bắc và nam. Khi Đế quốc Seleucid suy tàn, Antiochus Epiphanes trở thành biểu tượng của quyền lực La Mã đang trỗi dậy, và là trọng tâm của sự phẫn nộ của người Maccabee. Về sau trong lịch sử, ông trở thành hình ảnh giả mạo của biểu tượng tiên tri thiết lập khái tượng. Quyền lực trong câu hai mươi hai của chương mười một bị bẻ gãy khi hoàng tử của giao ước bị bẻ gãy.

Và với các cánh tay của nước lụt, chúng sẽ bị cuốn trôi khỏi trước mặt hấn và sẽ bị đánh gãy; phải, cả vị thủ lãnh của giao ước nữa. Daniel 11:22.

Triều đại của Antiochus Epiphanes chấm dứt vào năm 164 trước Công nguyên, gần hai trăm năm trước khi Đấng Christ, “vị thủ lãnh của giao ước”, bị “bẻ gãy” tại thập tự giá. Điều chúng ta muốn lưu ý ở đây là đế quốc Seleucid đã bắt đầu và kết thúc bằng một cuộc hôn nhân liên minh ngoại giao, trong đó sự đối trá giữa hai bên là điều được chính sử ghi nhận. Trong thời trị vì của Antiochus Epiphanes, cuộc khởi nghĩa Maccabee bắt đầu, vốn là hình bóng của Cuộc Cách mạng Hoa Kỳ. Trong lịch sử của người Maccabee, cuộc đấu tranh của họ nhằm giữ bỏ quyền lực Seleucid bao gồm một hiệp ước quan trọng với La Mã. Câu Kinh Thánh trực tiếp xác định hiệp ước ấy cũng trực tiếp xác định La Mã là kẻ hành động cách đối trá, hay nói những lời đối trá tại bàn ký kết hiệp ước.

Và sau giao ước đã lập với nó, nó sẽ hành động một cách gian trá; vì nó sẽ tiến lên và trở nên mạnh với một dân ít ỏi. Đa-ni-ên 11:23.

Mỗi dòng tiên tri đi trước thời kỳ cuối cùng trong câu bốn mươi đều chứa đựng một giao ước bị phá vỡ. Uriah Smith, khi bình luận về cụm từ “những kẻ bỏ giao ước thánh” trong câu ba mươi, đã ghi lại như sau:

“‘Sự phẫn nộ chống lại giao ước;’ tức là Kinh Thánh, sách của giao ước. Một cuộc cách mạng thuộc bản chất ấy đã được hoàn tất tại Rô-ma. Những người Heruli, Goth và Vandal, là những kẻ chinh phục Rô-ma, đã tiếp nhận đức tin Arian và trở nên những kẻ thù của Giáo hội Công giáo. Chính đặc biệt nhằm mục đích tận diệt tà thuyết này mà Justinian đã sắc định giáo hoàng là người đứng đầu giáo hội và là người sửa trị những kẻ dị giáo. Chẳng bao lâu, Kinh Thánh bị xem là một quyển sách nguy hiểm mà dân thường không được đọc, nhưng mọi vấn đề tranh chấp đều phải được trình lên giáo hoàng. Như vậy, sự sỉ nhục đã chồng chất lên lời của Đức Chúa Trời. Và các hoàng đế Rô-ma, mà phân bộ phía đông của đế quốc ấy vẫn còn tiếp tục tồn

tại, đã có sự thông đồng, hoặc làm ngơ cho Giáo hội Rô-ma, là giáo hội đã từ bỏ giao ước và cấu thành cuộc bội đạo lớn, nhằm mục đích dập tắt ‘tà giáo.’ Con người tội ác đã được nâng lên ngai vị ngạo mạn của mình bởi sự đánh bại những người Goth theo thuyết Arian, là những kẻ lúc bấy giờ đang chiếm giữ Rô-ma, vào năm 538 S.C.N.” Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 281.

Câu năm của Đa-ni-ên mười một xác định tuyến lịch sử trong đó vua phương nam dâng một nạng dâu ngoại giao như một biểu tượng của một hiệp ước mà sau đó đã bị vua phương bắc phá bỏ. Sự trả đũa của vua phương nam là hình bóng báo trước sự trả đũa của vua phương nam thuộc linh của Napoléon đối với vua phương bắc thuộc giáo hoàng vào năm 1798. Hiệp ước bị phá bỏ trong các câu năm đến chín là hình bóng báo trước hiệp ước Tolentino bị Napoléon phá bỏ, và điều ấy lại là hình bóng báo trước tuyên bố của Putin về một hiệp ước bị NATO phá vỡ. Sự trả đũa của Napoléon là hình bóng báo trước sự trả đũa của Putin chống lại Ukraine vào năm 2014. Sự trả đũa của Antiochus Magnus trong câu mười, chấm dứt cuộc Chiến tranh Syria lần thứ tư, tương ứng với Napoléon vào năm 1798 và cũng với Putin vào năm 2014. Sau trận Panium của câu mười lăm vào năm 200 TCN, Antiochus sắp đặt một cuộc hôn nhân ngoại giao với ý đồ ngấm ngấm là đặt Ai Cập dưới quyền chỉ huy của mình mà không cần triển khai quân đội trên thực địa. Ngôi vua của Antiochus Magnus được truyền cho con trai ông, người đã bị ám sát, khiến người con út của Antiochus Magnus là Antiochus Epiphanes lên ngôi. Những hành động của ông trong việc thi hành các phong tục và tôn giáo Hy Lạp đã làm bùng phát cuộc nổi dậy Maccabee, dẫn đến hiệp ước lừa dối với La Mã trong câu hai mươi ba. Câu hai mươi bốn giới thiệu La Mã ngoại giáo và xác định bàn đối trá của Antony và Augustus. Trong câu ba mươi, La Mã ngoại giáo bước vào sự đối thoại với giáo hội giáo hoàng, là những kẻ đã bội nghịch giao ước thánh.

Các câu hai mươi bốn đến ba mươi là lời chứng về La Mã ngoại giáo, và các câu ba mươi một đến bốn mươi cung cấp lời chứng về La Mã giáo hoàng. Mỗi dòng trong Đa-ni-ên chương mười một, từ câu một cho đến câu bốn mươi, đều đại diện cho một tuyến lời tiên tri được áp dụng trong lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi. Tuyến của vương quốc Seleucid, tuyến của vương quốc Ptolemaic, tuyến của vương quốc Giu-đê thuộc nhà Maccabees, tuyến của La Mã ngoại giáo và tuyến của La Mã giáo hoàng thấy đều minh họa lịch sử từ năm 1989 cho đến luật ngày Chúa nhật. Mỗi một trong những tuyến ấy đều xác định một hiệp ước bị bội ước là một yếu tố trọng yếu của lịch sử ấy.

Chính La Mã là thế lực thiết lập khái tượng của Đa-ni-ên 11, và các giao ước đối trá mang tính tiên tri của cả La Mã ngoại giáo lẫn La Mã giáo hoàng đều được đánh dấu là có tính tiên tri và là xảy ra trước khi La Mã cai trị cách tối thượng trong những thời kỳ tiên tri tương ứng và riêng biệt của chúng. Cả hai quyền lực đều đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ tiên tri về quyền tối thượng là bắt đầu khi chương ngại thứ ba của chúng bị vượt qua. Trước luật ngày Chủ nhật sắp xảy đến tại Hoa Kỳ sẽ có một giao ước đối trá giữa hai quyền lực. Bốn lần, hai quyền lực ấy đã là vua phương nam và vua phương bắc: một lần giữa xứ vinh hiển của Giu-đá và La Mã, một lần giữa hai phần của tam đầu chế La Mã, và một lần giữa La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng. Trong cả hai giao ước đối trá liên quan đến La Mã, về thực chất đó là một giao ước giữa một nửa của đế quốc La Mã, dù là Antony của phương đông, Augustus của phương tây, hay La Mã ngoại giáo của phương đông và La Mã giáo hoàng của phương tây. Bốn giao ước đối trá giữa vua phương bắc và vua phương nam, hai giữa các vua phương đông và phương tây, và một giữa vị vua phương bắc sắp xuất hiện với xứ

vinh hiển.

Như vậy là chúng tôi kết thúc phần trình bày ban đầu về sách Đa-ni-ên. Loạt bài Panium đánh dấu phần kết thúc của loạt bài về sách Đa-ni-ên, vốn là phần dẫn nhập vào lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi, điều mà chúng tôi sẽ tiếp tục xem xét trong bài kế tiếp.